

6FM100EX 12V 100Ah(10hr)

DòngẮc Quy Axit Chì kín khí, không rò rỉ, có khả năng nạp lại, không cần bảo dưỡng và có thể lắp đặt theo nhiều tư thế. Dung dịch Axit Sulphuric được thẩm thấu qua các tấm ngăn và bản cực như một khối cố định. Trong trường hợpẮc quy bị quá nạp, giải phóng ra nhiều khí oxy và hidro có thể dẫn đến phồng bình, van điều áp sẽ hoạt động đẩy hết khí dư ra ngoài để đảm bảo áp suất trong bình.



Cấu tạoẮc Quy

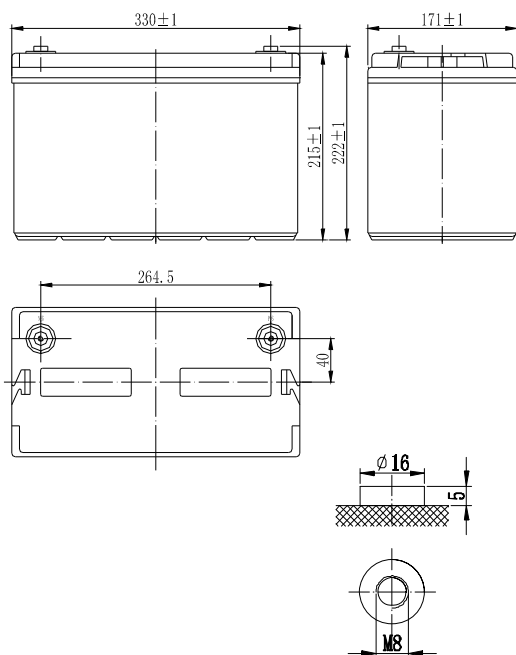
Thành phần	Bản cực (+)	Bản cực (-)	Vỏ bình	Nắp	Van điều áp	Đầu cực	Tấm ngăn	Dung môi
Vật liệu	Oxit Chì	Chì	Nhựa ABS	ABS	Cao Su	Đồng	Sợi thủy tinh	Axit Sulphuric

Đặc tính chung

- Công nghệ AGM (Absorbent Glass Mat) cho hiệu suất tái hợp khí lên đến 99%, không cần bổ sung nước và axit trong quá trình sử dụng.
- Áp dụng theo phương thức vận tải đường biển IATA/ICAO mục A67.
- Sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn UL.
- Có thể đặt đứng hoặc xoay nghiêng.
- Lưới bản cực hợp kim thiếc chì và canxi cho cường độ dòng điện cao.
- Tuổi thọ lớn dù với các ứng dụng dự phòng hoặc chu kỳ.
- Không cần bảo dưỡng.
- Tự phóng thấp.

Kích thước và Khối lượng

Dài(mm / inch)	330 / 12.99
Rộng(mm / inch)	171 / 6.73
Cao(mm / inch)	215 / 8.46
Cao tổng thể(mm / inch)	222 / 8.74
Khối lượng(Kg / lbs)	29 / 63.9



Đặc tính điện

Điện áp định mức	12V
Số cell	6
Tuổi thọ thiết kế	10 years
Dung lượng định mức 77°F(25°C)	
Chế độ phóng 10h (10.0A, 10.8V)	100Ah
Chế độ phóng 5h (16.6A, 10.5V)	83Ah
Chế độ phóng 1h (61A, 9.6V)	61Ah
Nội trở	
Ắc quy được nạp đầy tại 77°F(25°C)	5.2mOhms
Tự phóng	
Xấp xỉ 3%/tháng tại 20°C(average)	
Dải nhiệt độ hoạt động	
Phóng	-20~60°C
Nạp	-10~60°C
Lưu kho	-20~60°C
Dòng phóng lớn nhất 77°F(25°C)	900A(5s)
Dòng ngắn mạch	2100A
Các phương pháp nạp: Nạp đẳng áp tại 77°F(25°C)	
Nạp chu kỳ	2.30-2.35VPC
Dòng nạp cực đại	30A
Bù nhiệt	-30mV/oC
Nạp chờ	2.23-2.27VPC
Bù nhiệt	-20mV/oC

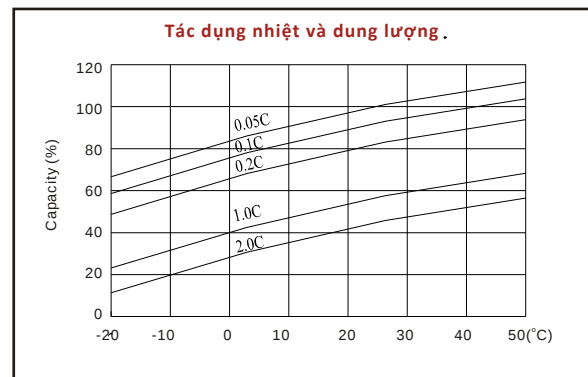
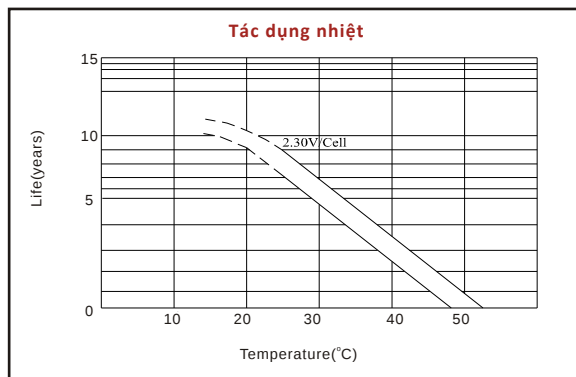
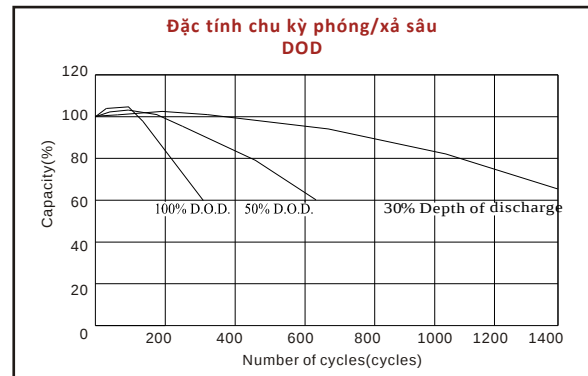
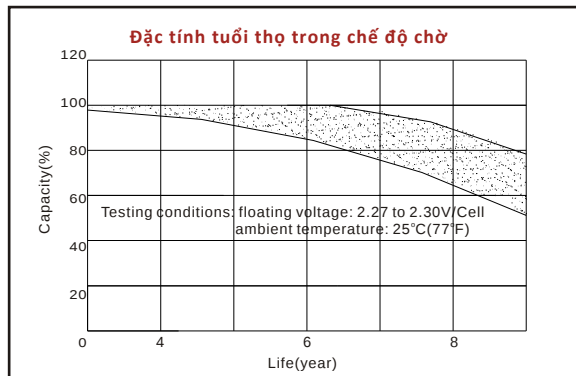
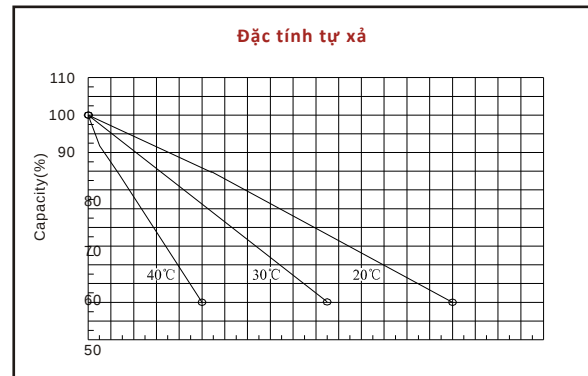
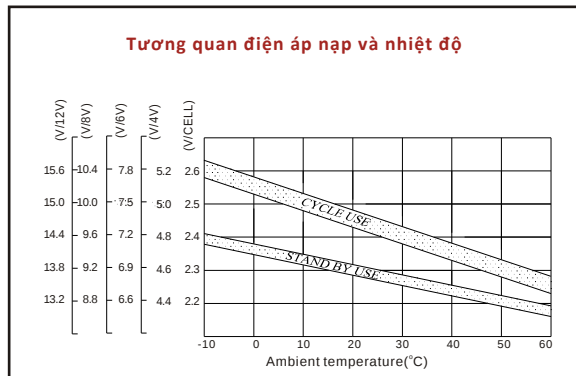
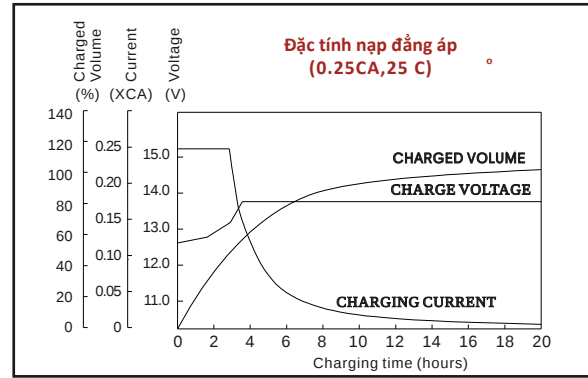
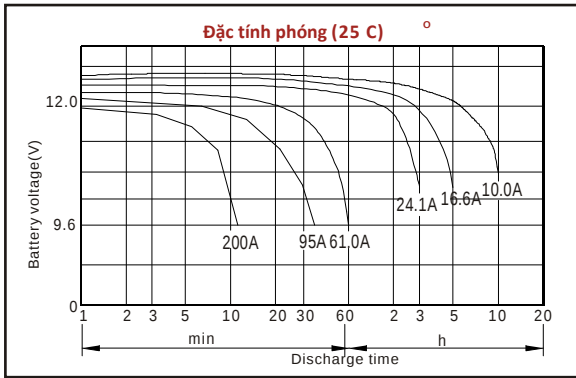
Thông số dòng phóng (Amperes tại 77°F25°C)

End Point Volts/Cell	10min	15min	30min	1h	3h	5h	10h	20h
1.60V	210	173	98.9	61.0	25.1	17.6	10.8	5.50
1.65V	197	164	95.0	60.6	24.6	17.3	10.6	5.45
1.70V	182	156	92.2	59.7	24.1	17.0	10.4	5.40
1.75V	170	145	89.3	58.9	23.5	16.6	10.2	5.35
1.80V	156	136	87.4	57.1	22.8	16.3	10.0	5.30

Thông số công suất phóng (Watts tại 77°F25°C)

End Point Volts/Cell	10min	15min	30min	45min	1h	2h	3h	5h
1.60V	372	304	186	138	119	68.2	48.4	33.8
1.65V	353	299	180	134	117	67.0	47.8	33.6
1.70V	335	290	176	132	116	65.8	47.3	33.3
1.75V	317	279	170	129	112	64.6	46.7	33.2
1.80V	296	270	164	126	109	63.9	45.9	32.9

Chú ý: đây là thông số trung bình của 3 lần thử nghiệm.



Shenzhen Center Power Tech. Co., Ltd.

Center Power Industrial Park, Tongfu Industrial District Dapeng Town, 518120 Shenzhen, China
Tel: (+86-755) 8431 8088 Fax: (+86-755) 84318038 E-mail: sales@vision-batt.com



www.vision-batt.com